

Số: 270 /QĐ-ĐHNL-HSSV

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2024-2025
cho sinh viên hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGGĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2292/QĐ-ĐHTN ngày 17/12/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế công tác người học tại Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 05/9/2022 của Hội đồng trường trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-HSSV ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy định trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đào tạo chính quy;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-ĐHNL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy chế công tác người học tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2024-2025 cho 381 sinh viên hệ chính quy, trong đó:

- Đối tượng khu vực ĐBK;K;

$$347 \text{ sv} \times 140.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 291.480.000\text{đ}$$

- Đối tượng là hộ nghèo 2025;

$$34 \text{ sv} \times 100.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 20.400.000\text{đ}$$

Tổng số tiền: 311.880.000 (Ba trăm mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)
(có danh sách chi tiết gửi kèm)

Điều 2: Cấp 6 tháng/ 1 học kỳ

Điều 3: Các Ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan, và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu VT, P. CT HSSV.



HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Phan Thị Hồng Phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 270 /QĐ-ĐHNL-HSSV ngày 08 tháng 4 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền	Khoa	Hộ khẩu				Ghi chú
									Thôn/xóm	Xã	Huyện	Tỉnh	
I	Đối tượng khu vực ĐBKК												
1	DTN2253150367	Y Vườn	20/5/2004	CNSH 54	Xê Đăng	Xã ĐBKК	140,000	CNSH&CNTP	Mô Za	Ngok Lây	Tu Mơ Rông	Kon Tum	
2	DTN23531700010	Nông Thị Tuyết Nga	30/09/2004	CNTP 55	Tày	Xã ĐBKК	140,000	CNSH&CNTP		Xã Cao Thượng	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
3	DTN2151060235	Triệu Đăng Hoàng	01/11/2003	ĐBCL&ATTP 53	Dao	Xã ĐBKК	140,000	CNSH&CNTP	Thôn Nà Pải,	thị trấn Bằng Lũng	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
4	DTN2251060221	Tòng Văn Sơn	14/04/2004	ĐBCL&ATTP 54	Thái	Xã ĐBKК	140,000	CNSH&CNTP		Chiềng Lương	Huyện Mai Sơn	Sơn La	
5	DTN2153040233	Lục Hoàng Đồng	23/12/1999	CNTY 53 N01	Nùng	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Xã Phong Nặm	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	
6	DTN2153040093	Bùi Trung Dũng	20/10/2003	CNTY 53 N01	Nùng	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Cộc Bọc, Thủy Hứng	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
7	DTN2153040171	Hoàng Thị Nhiệt	16/04/2003	CNTY 53 N01	Tày	Xã ĐBKК	140,000	CNTY	Tân Sơn	Xã Nám Dán	Huyện Quang Bình	Hà Giang	
8	DTN2153040250	Trần Minh Thông	22/06/2003	CNTY 54 N01	Tày	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Bình Dương	Hoà An	Cao Bằng	
9	DTN2153040289	Ly Mí Thừ	07/08/2003	CNTY 53 N01	Mông	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Tà Lũng	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	
10	DTN2153040313	Quảng Văn Thủy	28/11/2002	CNTY 53 N01	Thái	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Bản Pò Nội, Thanh Lương	Huyện Điện Biên	Điện biên	
11	DTN2153040299	Lò Văn Dũng	19/07/2002	CNTY 53 N02	Thái	Xã ĐBKК	140,000	CNTY	Bản Phủ	Bản Phủ, xã Noong Hết	Thị trấn Điện Biên Phủ	Điện biên	
12	DTN2153040451	Nông Quang Linh	25/07/2003	CNTY 53 N02	Tày	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Nà Nháng-Xuân Dương	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
13	DTN2153040353	Nguyễn Kiệt Tác	27/03/2003	CNTY 53 N02	Tày	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Võ Lao	Huyện Văn Bàn	Lào Cai	
14	DTN2153040002	Vũ Đức Việt	18/06/2003	CNTY 53 N02	Nùng	Thôn ĐBKК	140,000	CNTY		Đồng Bài, Tráng Xã	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
15	DTN2153040157	Hoàng Văn Vượng	09/08/2002	CNTY 53 N02	Nùng	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Thiện Long	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	
16	DTN2253040136	Hoàng Thị Chợ	06/06/1999	CNTY 54 N01	Mông	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Hùng Lợi	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	
17	DTN2253040092	Đặng Thị Huyện	12/01/2003	CNTY 54 N01	Dao	Xã ĐBKК	140,000	CNTY		Quản Ngần	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	
18	DTN2253040040	Lương Minh Khuê	23/04/2004	CNTY 54 N01	Nùng	Thôn ĐBKК	140,000	CNTY		Bình Long	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	

19	DTN2253040135	Thào A Sênh	10/06/2004	CNTY 54 N01	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Nà Khoa	Huyện Nậm Pồ	Điện Biên	
20	DTN2253040172	Giảng Mạnh Sơn	16/05/2004	CNTY 54 N01	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Chế Tạo	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
21	DTN2253040004	Vừ Mí Mua	16/09/2002	CNTY 54 N02	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Phổ Báng	Huyện Đồng Văn	Hà Giang	
22	DTN2253040205	Trương Hoàng Phúc	03/02/2004	CNTY 54 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xuân La	Huyện Pắc Nặm	Bắc Kạn	
23	DTN2253040262	Lục Văn Thắng	02/02/2004	CNTY 54 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Văn Minh	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
24	DTN2253040240	Lục Văn Thủy	10/03/2004	CNTY 54 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Kim Hỷ	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
25	DTN2253040218	Hoàng Văn Thành	05/08/2004	CNTY 54 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Dìn Chín	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
26	DTN2253050066	Hoàng Trọng Tín	26/03/2004	CNTY 54 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Vĩnh Yên	Huyện Bảo Yên	Lào Cai	
27	DTN23530400063	Lường Quý Sang	14/03/2004	CNTY 55 N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Minh Tiến	Huyện Lục Yên	Yên Bái	
28	DTN23530400012	Quan Xuân Thành	25/12/2005	CNTY 55 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Thượng Lâm	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	
29	DTN23530400011	Phảng A Cáng	01/06/2005	CNTY 55 N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Chiềng Xuân	Huyện Văn Hồ	Sơn La	
30	DTN23530500045	Đàm Thị Hương Giang	20/03/2005	CNTY 55 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Khe Mo	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	
31	DTN23530400032	Lộc Thị Hằng	05/01/2005	CNTY 55 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Sĩ Bình	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	
32	DTN23530400062	Quảng Thị Thu Huyền	02/01/2004	CNTY 55 N02	Thái	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Mường Và	Huyện Sốp Cộp	Sơn La	
33	DTN23530400022	Triệu Thị Hồng Nhung	03/08/2005	CNTY 55 N02	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Tráng Xá	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
34	DTN23530400018	Mua Mí Nô	01/02/2005	CNTY 55 N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Tả Lùng	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	
35	DTN23530500057	Hoàng Thị Hoà	10/05/2005	TC 55	Sán Chi	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Tân Thịnh	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	
36	DTN23530500012	Lê Hồng Tiến	03/11/2003	TC 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bạch Đằng	Huyện Hoà An	Cao Bằng	
37	DTN20530500081	Đặng Thị Ngọc Hà	06/09/2001	TY 52 N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Nà Soen	Kim Cúc	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	
38	DTN20530500051	Lương Văn Hiệp	13/07/2002	TY 52 N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Long Thành	Bình Long	Võ Nhai	Thái Nguyên	
39	DTN20530500068	Hà Ngọc Lan	18/05/2002	TY 52 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Nà Nhị	Lục Bình	Bạch Thông	Bắc Kạn	
40	DTN20530500022	Ma Công Luyện	24/10/2002	TY 52 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Đồng Muồng	Tân Thịnh	Định Hóa	Thái Nguyên	
41	DTN20530500025	Lưu Ngọc Phong	17/07/2002	TY 52 N01	Sán Diu	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Bờ Tắc	Bản Đát	Phủ Bình	Thái Nguyên	
42	DTN20530500074	Sùng Đức Tiến	15/08/2001	TY 52 N01	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Tả Lặng - Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	
43	DTN20530500042	Lừ A Cáng	20/08/2002	TY 52 N02	Hmông	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Xin Chải	Mù Sang	Phong Thổ	Lai Châu	
44	DTN20530500058	Hoàng Đình Cung	24/12/2001	TY 52 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Đông Pan 1	Độc Lập	Quảng Hòa	Cao Bằng	
45	DTN20530500078	Vàng Nguyên Giang	31/08/2002	TY 52 N02	Hmông	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Sang Phàng	Đồng Hà	Quản Bạ	Hà Giang	

46	DTN2053040050	Nguyễn Lục Giáp	7/10/2002	TY 52 N02	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Thôn 1 Văn	Phúc Lợi	Lục Yên	Yên Bái	
47	DTN2053050011	Lăng Thúy Hằng	13/09/2002	TY 52 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Đồng Mầu	Tân Long	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	
48	DTN2053050093	Nguyễn Duy Thắng	16/06/2002	TY 52 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Nà Lác	Kim Hỷ	Na Rì	Bắc Kạn	
49	DTN2153050412	Lý Văn Điệp	25/02/2003	TY 53 N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Bình Long	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
50	DTN2153050435	Hoàng Văn Dũng	8/1/2003	TY 53 N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Khuổi Tây B	Liêm Thủy	Na Rì	Bắc kạn	
51	DTN2154110272	Vi Đức Hoàng	04/10/2003	TY 53 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Khâu Tinh	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	
52	DTN2153050132	Nguyễn Thị Ngọc Mai	20/11/2003	TY 53 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Làng Da, Tân Thịnh	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	
53	DTN2153050518	Bế Xuân Sơn	29/11/2002	TY 53 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Địa Linh	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
54	DTN2153050419	Lý Tồn Tịnh	29/11/2002	TY 53 N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Nghiên Loan	Huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	
55	DTN2153050312	Giảng Văn Dũng	01/08/2003	TY 53 N02	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Thanh Vân	Huyện Quán Bạ	Hà Giang	
56	DTN2153050098	Ma Thu Hà	01/02/2002	TY 53 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Yên Trạch	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	
57	DTN2153050198	Lương Văn Huỳnh	25/05/2003	TY 53 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Bảo Hà	Huyện Bảo Yên	Lào Cai	
58	DTN2153050335	Quách Thị Thương	16/10/2002	TY 53 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Đồng Bó	Xã Bộc Bó	Huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	
59	DTN2153050271	Nông Thanh Chung	13/09/2002	TY 53 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Vi Hương	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	
60	DTN2153040094	Nông Thị Kim Cúc	16/02/2003	TY 53 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Trọng con	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
61	DTN2153040089	Đinh Thị Diễm	13/09/2003	TY 53 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Bản Nhận	xã Lê Lợi	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
62	DTN2153040259	Hoàng Tô Hoài	08/01/2003	TY 53 N03	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY	Thua Tổng	Xã Xuân Trường	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	
63	DTN2153050308	Lương Thị Bảo Linh	11/08/2003	TY 53 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Lương Thượng	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
64	DTN2153050256	Nông Hồng Nhung	02/12/2003	TY 53 N03	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Khuổi Quán-Ngô Lão	Huyện Hòa An	Cao Bằng	
65	DTN2153040356	Giảng Mí Nô	10/10/2002	TY 53 N03	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Phổ Là	Huyện Đông Văn	Hà Giang	
66	DTN2253050076	Bế Văn Cảnh	22/08/2004	TY 54 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Trung Yên	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	
67	DTN2253050303	Nông Văn Diễm	14/10/2004	TY 54 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Thượng Lâm	Lâm Bình	Tuyên Quang	
68	DTN2253040105	Phản Ngọc Hà	24/04/2004	TY 54 N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Sùng Trà	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	
69	DTN2253050333	Sùng Xi Hừ	16/07/2004	TY 54 N01	Hà nhì	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Tá Bạ	Huyện Mường Tà	Lai Châu	
70	DTN2253050306	Nguyễn Xuân Thế	10/11/2004	TY 54 N01	Thổ	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Giai Xuân	Huyện Tân Kỳ	Nghệ An	
71	DTN2253050018	Ma Thị Hoài Vy	31/01/2004	TY 54 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Nghĩa Đô	Huyện Bảo Yên	Lào Cai	

72	DTN2253040365	Sùng Thìn Cồ	11/8/2004	TY 54 N02	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Cao mã Pờ	Quản Bạ	Hà Giang	
73	DTN2253050087	Lý Quang Dũng	21/03/2003	TY 54 N02	CaoLan	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Đồng Quý	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	
74	DTN2253050300	Hà Khánh Linh	24/01/2004	TY 54 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Nghinh Tường	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
75	DTN2253040003	Giàng A Tổng	17/04/2004	TY 54 N02	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Phiêng Sáng	Huyện Tuấn Giáo	Điện biên	
76	DTN2253050232	Và A Dềnh	24/09/2004	TY 54 N03	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Pá Lông	Huyện Thuận Châu	Sơn La	
77	DTN2253050154	Nguyễn Hải Kiên	09/11/2004	TY 54 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Sáng Mộc	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
78	DTN2253050226	Hà Thị Vân Ly	15/06/2004	TY 54 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Văn Lãng	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	
79	DTN2253050017	Giàng A Sinh	02/09/2003	TY 54 N03	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Nà Nghịu	Huyện Sông Mã	Sơn La	
80	DTN2253050196	Thào Phương Thảo	16/09/2004	TY 54 N03	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Bản Ngò	Huyện Xin Mần	Hà Giang	
81	DTN2253050328	Hoàng Phương Thảo	30/11/2004	TY 54 N03	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Vân Trinh	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
82	DTN2253050322	Dương Thị Thoa	15/03/2004	TY 54 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
83	DTN2253050318	Nguyễn Công Trúc	12/01/2004	TY 54 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Lương Thượng	Huyện Na Ri	Bắc Kạn	
84	DTN2251030293	Đinh Hà Việt	25/09/2004	TY 54 N03	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Vũ Minh	Huyện Nguyễn Bình	Cao Bằng	
85	DTN23530500119	Hoàng Văn Du	26/11/2002	TY 55 N01	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Thị trấn Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	
86	DTN23530500048	Mạ Quang Huy	01/12/2005	TY 55 N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Tân Thành	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	
87	DTN23530500095	Hoàng Mai Lan	24/06/2004	TY 55 N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Thái Cường	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
88	DTN23530500094	Nông Thu Liễu	08/11/2005	TY 55 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Thái Cường	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
89	DTN23530500128	Sùng Phương Chi	09/05/2005	TY 55 N01	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Xa Dung	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	H
90	DTN23530500074	Triệu Thị Thúy Ngọc	14/03/2005	TY 55 N01	Dao	Thôn ĐBK	140,000	CNTY		Xã Tân Nguyên	Huyện Yên Bình	Yên Bái	
91	DTN23530500112	Tô Hữu Quyền	10/07/2005	TY 55 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
92	DTN23530500110	Nông Thị Thêu	18/01/2004	TY 55 N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Cao Kỳ	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	
93	DTN23510100011	Giàng A Vàng	19/05/2005	TY 55 N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Chế Tạo	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
94	DTN23530500113	Lèng Seo An	16/10/2004	TY 55 N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Đản Ván	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	
95	DTN23530500055	Hoàng Đức Anh	08/10/2005	TY 55 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Sáng Mộc	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
96	DTN23530500019	Thào A Đàm	27/07/2005	TY 55 N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Sam Kha	Huyện Sốp Cộp	Sơn La	
97	DTN23530400008	Tăng Văn Điệp	09/02/2005	TY 55 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bình Long	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	

98	DTN23530500106	Lương Duy Hưng	19/09/2005	TY 55 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bảo Hà	Huyện Bảo Yên	Lào Cai
99	DTN23530500123	Vàng Thị Nai	26/01/2005	TY 55 N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Lý Bôn	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng
100	DTN23530500124	Phan Văn Thịnh	08/08/2005	TY 55 N02	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Liên Minh	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên
101	DTN23530500093	Đinh Hoài Thương	17/08/2004	TY 55 N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Mỹ Hưng	Huyện Quảng Hòa	Cao Bằng
102	DTN23530500108	Giàng Mí Hồ	19/11/2005	TY 55 N01	Cao Lan	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Minh Sơn	Huyện Bắc Mê	Hà Giang
103	DTN23530500043	Hoàng Văn Đạt	20/04/2005	TY 55 N02	Nùng	Thôn ĐBK	140,000	CNTY		Xã Lê Lợi	Huyện Thạch An	Cao Bằng
104	DTN23530500065	Nguyễn Đình Duy	11/11/2005	TY 55 N02	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Trung Tâm	Huyện Lục Yên	Yên Bái
105	DTN2154110088	Lưu Thị Hương	18/01/2003	KTNN 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT	Phúc Dưng,	Phi Hải	Huyện Quảng Hòa	Cao Bằng
106	DTN2154110366	Triệu Mùi Khé	03/02/2003	KTNN 53	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Nậm Khòa	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang
107	DTN2154110423	Lô Văn Quyền	27/4/2003	KTNN 53	Kho mú	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT	Kèo Con	Keng Đu	Kỳ Sơn	Nghệ An
108	DTN2154110349	Vùi Văn Thơ	01/03/2003	KTNN 53	Giáy	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT	Nậm Xe	Nậm Xe	Huyện Phong Thổ	Lai Châu
109	DTN2154110487	Thào A Lồng	20/01/2003	KTNN 53	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Pá Lau	Huyện Trùng Tú	Yên Bái
110	DTN2254110211	Vừ A Chai	14/08/2001	KTNN 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Leng Su Sín	Huyện Mường Nhé	Điện Biên
111	DTN2254110294	Sùng Chư	01/03/2003	KTNN 54	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Tả Thàng	Huyện Mường Khương	Lào Cai
112	DTN2254110264	Lương Thị Dịu	02/05/2004	KTNN 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Đức Vân	H Ngăn Sơn	Bắc Kạn
113	DTN2254110075	Thào A Hồng	11/05/2004	KTNN 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Tả Xi Láng	Huyện Trùng Tú	Yên Bái
114	DTN2254110269	Ma Đức Tâm	02/06/2004	KTNN 54	Giáy	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Thượng Bình	Huyện Bắc Quang	Hà Giang
115	DTN2254140089	Bàn Trung Thành	06/01/2004	KTNN 54	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Bằng Cốc	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang
116	DTN2254110270	Eng Văn Tung	07/02/2004	KTNN 54	Giáy	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Thượng Bình	Huyện Bắc Quang	Hà Giang
117	DTN2254280178	Long Mạnh Tường	18/02/2004	KTNN 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Hồng Thái	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn
118	DTN2254110073	Lô Văn Khải	09/01/2004	KTNN 54	Thái	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Noong Hèo	Huyện Sìn Hồ	Lai Châu
119	DTN23541100011	Lưu Văn Bảo	16/01/2005	KTNN 55	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Thượng Thôn	Huyện Hà Quảng	Cao Bằng
120	DTN23531700007	Lô Văn Chung	16/07/2005	KTNN 55	Kho Mú	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Tà Hừa	Huyện Than Uyên	Lai Châu
121	DTN23541100006	Hoàng Anh Đức	08/01/2004	KTNN 55	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Sơn Thành	Huyện Na Rì	Bắc Kạn
122	DTN23541100010	Giàng Sơn Hà	20/08/2005	KTNN 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Pá Lau	Huyện Trùng Tú	Yên Bái
123	DTN23541100009	Phản Trần Thắng	29/11/2003	KTNN 55	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Đức Xuân	Huyện Bắc Quang	Hà Giang
124	DTN23541200029	Đinh Thị Minh Thư	02/09/2005	KTNN 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Tiên Thành	Huyện Quảng Hòa	Cao Bằng

125	DTN2253260173	Giàng Viết Á	13/09/2004	DL&HCTN 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN			Dế Xu Phình	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
126	DTN2253260213	Phùng Cà Ly	21/03/2004	DL&HCTN 54	Là Hủ	Xã ĐBK	140,000	LN			Bum Tở	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
127	DTN2353260008	Nông Thúy Hiền	23/11/2005	DL&HCTN 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN			Xã Bằng Lãng	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
128	DTN2153160391	Lý A Dế	15/09/2002	LS 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN	Hà Lá Chũ A	Hứa Ngải	Huyện Mường Chà	Điện Biên		
129	DTN2153060276	Lý Trung Kiên	13/12/2002	LS 53	Hà nhĩ	Xã ĐBK	140,000	LN	Đoàn Kết	Chung Chải	Huyện Mường Nhé	Điện Biên		
130	DTN2153060327	Giàng Mí Phênh	22/02/2003	LS 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN	Lũng Vây	Thôn Lũng Vây, xã Minh Sơn	Huyện Bắc Mê	Hà Giang		
131	DTN2153060494	Lò Văn Quang	23/02/2003	LS 53	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Sông Đà - Nậm Mạ	Huyện Sơn Hồ	Lai Châu		
132	DTN2253060242	Pàn Thị Chính	10/02/2004	LS 54	Mảng	Xã ĐBK	140,000	LN		Nậm Pì	Huyện Nậm Nhùn	Lai Châu		
133	DTN2253060159	Giàng A Di	20/07/2004	LS 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Nậm Vĩ	Huyện Mường Nhé	Điện Biên		
134	DTN2253060015	Lầu A Sò	15/02/2004	LS 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Co Mạ	Huyện Thuận Châu	Sơn La		
135	DTN23530600003	Lê Kiều Trinh	02/11/2005	LS 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Thượng Giáo	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn		
136	DTN2153160329	Hứa Thanh Bình	18/02/2003	QLTNR 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	LN	Bản Càng,	Xã Đức Quang	Huyện Hạ Lang	Cao Bằng		
137	DTN2153160300	Lầu A Đức	07/05/2003	QLTNR 53	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Sa Dung	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên		
138	DTN2153160262	Triệu Quang Kính	06/05/2003	QLTNR 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	LN		Thôn Nà Dáng, xã Thiện Hòa	Huyện Bình Giả	Lạng Sơn		
139	DTN2153160161	Triệu Thị Lan	9/11/2003	QLTNR 53	Dao	Xã ĐBK	140,000	LN		Hoàng Trĩ	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn		
140	DTN2154070348	Toán Xe Mười	10/01/2003	QLTNR 53	Hà nhĩ	Xã ĐBK	140,000	LN	Sen Thương	Sen Thương, xã Sen Thương	Huyện Mường Nhé	Điện Biên		
141	DTN2153160384	Lầu A Nhĩa	22/09/2003	QLTNR 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Sa Dung	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên		
142	DTN2153160297	Lý A Ninh	31/08/2002	QLTNR 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN	Chùa Lú	Pú Nhung	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên		
143	DTN2153160330	Giàng A Tà	20/07/2003	QLTNR 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN	Cao Chải	Xã Tà Tổng	Huyện Mường Tè	Lai Châu		
144	DTN2253160206	Ma Thế Giáp	13/08/2004	QLTNR 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Nam Quang	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng		
145	DTN2253060188	Quan Trung Kiên	10/03/2004	QLTNR 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Khâu Tinh	Huyện Na Hang	Tuyên Quang		
146	DTN2254110128	Lò Văn Nhã	20/05/2004	QLTNR 54	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện Biên		
147	DTN2253160347	Hoàng Thị Quỳnh	12/09/2004	QLTNR 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	LN		Kim Đồng	Huyện Thạch An	Cao Bằng		
148	DTN2258510266	Hoàng Thị Thúy Thiệu	29/02/2004	QLTNR 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xuân Lạc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn		
149	DTN2253060224	Lèo Văn Thịnh	01/06/2004	QLTNR 54	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Ngọc Chiến	Huyện Mường La	Sơn La		
150	DTN23531600010	Lý Văn Chung	01/05/2005	QLTNR 55	Dao	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Hồng Quang	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang		

151	DTN23531600013	Triệu Thị Đài	21/04/2005	QLTNR 55	Dao	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Hoàng Trĩ	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
152	DTN23531600007	Vàng A Găng	19/03/2004	QLTNR 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Hoàng Liên	Thị xã Sa Pa	Lào Cai	
153	DTN23531600004	Ma Trường Giang	22/02/2022	QLTNR 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Sơn Lộ	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	
154	DTN23531600006	Lý Thị Bích Ngọc	23/08/2005	QLTNR 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Mai Long	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	
155	DTN23531600011	Lò Minh Truyền	24/03/2004	QLTNR 55	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Nà Hỷ	Huyện Nậm Pồ	Điện Biên	
156	DTN23531600008	Lý Văn Kiệm	01/11/2005	QLTNR 55	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Nậm Kè	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
157	DTN23531600003	Sùng A Lầu	16/08/2004	QLTNR 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Pá Lông	Huyện Thuận Châu	Sơn La	
158	DTN2153070060	Hà Thị Nguyệt Ánh	28/12/2003	KHCT 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	NH	Bó Chường	Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Huyện Quảng Uyên	Cao Bằng	
159	DTN2153070514	Ma Thị Bay	2/7/2001	KHCT 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH	Huổi Hâu	Nà Khoa	Nậm Pồ	Điện Biên	
160	DTN2253070349	Ma Thị Huệ	31/08/2004	KHCT 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	NH		Yên Cư	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	
161	DTN2253070208	Lý Mùi Phạm	24/12/2002	KHCT 54	Dao	Xã ĐBK	140,000	NH		Phan Thanh	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	
162	DTN23530700006	Giàng A Thương	19/11/2005	KHCTr 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Làng Mò	Huyện Sơn Hồ	Lai Châu	
163	DTN2154120363	Cứ A Cửa	01/06/2003	NNCNC 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH	Tổ 5	thị trấn Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
164	DTN2151010441	Hồ A Đô	2/2/1998	NNCNC 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH	Sa Lông 1	Sa Lông	Mường Chà	Điện Biên	
165	DTN2151010481	Triệu Văn Đức	7/6/2002	NNCNC 53	Dao	Xã ĐBK	140,000	NH	Khâu Pháng	Bộc Bó	pác nặm	Bắc Kạn	
166	DTN2151010520	Lừu Thị Giống	09/09/2003	NNCNC 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH	Huổi Hâu	Nà Khoa	Huyện Nậm Pồ	Điện biên	
167	DTN2151010431	Lâm Hoàng Hải	14/12/2003	NNCNC 53	Tày	Xã ĐBK	140,000	NH		Xuân Lạc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
168	DTN2151010346	Lò Minh Hải	30/12/2003	NNCNC 53	Kháng	Xã ĐBK	140,000	NH		Chiềng On	Huyện Quỳnh Nhai	Sơn La	
169	DTN2151010389	Mùa A Lay	06/05/2003	NNCNC 53	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH	Trung Dinh	Huổi Lềng	Huyện Mường Chà	Điện biên	
170	DTN2151010489	Dương Kim Mạnh	6/8/2003	NNCNC 53	Dao	Xã ĐBK	140,000	NH	Hon 1	Xuân An	Yên Lập	Phú Thọ	
171	DTN2151010211	Triệu Tài Phương	20/03/2003	NNCNC 53	Dao	Xã ĐBK	140,000	NH	Nà Mú	Sơn Phú	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	
172	DTN2151010314	Vì Văn Quân	20/04/2002	NNCNC 53	Xinh mun	Xã ĐBK	140,000	NH	Nà Đít	Xã Chiềng On	Huyện Yên Châu	Sơn La	
173	DTN2151010267	Lý Pờ Xê	04/11/2003	NNCNC 53	Hà nhĩ	Xã ĐBK	140,000	NH	Y Ka Đa	Xã Ka Lăng	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
174	DTN2251010356	Giàng A Chứ	14/01/1998	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Phình Sáng	Huyện Tuần Giáo	Điện biên	
175	DTN2251010311	Giàng A Công	08/11/1998	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		TT Sơn Hồ	Huyện Sơn Hồ	Lai Châu	
176	DTN2251010339	Ly Thành Công	16/08/2004	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Nậm Cháy	Huyện Mường Khương	Lào Cai	

177	DTN2251010287	Sùng Seo Đô	10/02/2004	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Tà Ngải Chồ	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
178	DTN2251010286	Thào Quảng Dừng	15/12/2004	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Tà Ngải Chồ	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
179	DTN2251010062	Hoàng Thị Hằng	18/06/2002	NNCNC 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	NH		Vi Hương	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	
180	DTN2251010216	Lùng Ý Hiệp	20/12/2004	NNCNC 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	NH		Dìn Chín	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
181	DTN2251010336	Hoàng Văn Khuya	10/09/2004	NNCNC 54	Sán Chi	Xã ĐBK	140,000	NH		Nam Quang	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	
182	DTN2251010317	Vàng Diu Minh	15/03/2004	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Tung Chung Phó	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
183	DTN2251010140	Đào Văn Nó	08/02/2004	NNCNC 55	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Trung Hòa	H Ngăn Sơn	Bắc Kạn	
184	DTN2251010164	Triệu Trần Thiện	30/04/2002	NNCNC 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	NH		Bằng Lăng	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
185	DTN2251010285	Hầu Khái Trung	22/06/2003	NNCNC 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Tung Chung Phó	Huyện Mường Khương	Lào Cai	
186	DTN2251010214	Vàng A Tú	16/07/2001	NNCNC 55	Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Tà Tổng	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
187	DTN23510100008	Hà Văn Luân	13/11/2005	NNCNC 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Bằng Thành	Huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	
188	DTN23510100002	Thào Mí Pó	25/10/2005	NNCNC 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Tà Lùng	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	
189	DTN23510100023	Lường Thị Kim Thom	09/09/2004	NNCNC 55	Thái	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Búng Lao	Huyện Mường Ảng	Điện Biên	
190	DTN23530400070	Long Đức Hoàng	15/01/2005	CNTY 55HG	La Chí	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Bản Phùng	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	
191	DTN23530400078	Vương Kim Chung	01/05/2004	CNTY 55HG	Nùng	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Bản máy	Hoàng Su Phì	Hà Giang	
192	DTN2353260026	Vương Quốc Định	01/04/2004	DL&HCTN 55 (HG)	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Nậm Dịch	Hoàng Su phì	Hà Giang	
193	DTN2353260015	Vàng Xuân Đồng	30/09/2004	DL&HCTN 55 (HG)	Nùng	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Pờ Ly Ngải	Hoàng Su Phì	Hà Giang	
194	DTN2353260031	Tần Seo Luận	03/02/2005	DL&HCTN 55 (HG)	Dao	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Bát Đại Sơn	Quản Bạ	Hà Giang	
195	DTN2353260025	Tần Chín Quán	06/07/2005	DL&HCTN 55 (HG)	Dao	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Hà Giang	
196	DTN2353260028	Lù Thị Ngọc Yên	22/01/2005	DL&HCTN 55 (HG)	Nùng	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Thanh Thủy	Vị Xuyên	Hà Giang	
197	DTN2154120355	Phan Ngọc Khanh	13/05/2003	QLĐĐ 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Quyết Thắng	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	
198	DTN2158510413	Lưu Viết Trường	15/03/2003	QLĐĐ 53	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN	Vèn	Linh Thông	Định Hóa	Thái Nguyên	
199	DTN2254120363	Mùa Xuân Đế	26/8/2002	QLĐĐ 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Tà Tổng	Mường Tè	Lai Châu	
200	DTN2254120170	Giăng Bảo Long	05/09/2004	QLĐĐ 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Chế Tạo	Huyện Mú Cang Chải	Yên Bái	
201	DTN2254120282	Vàng Thị Thu	28/02/2004	QLĐĐ 54	Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		TT Mèo Vạc	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	
202	DTN2254120061	Vàng Văn Tuấn	24/05/2004	QLĐĐ 54	La Hủ	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Pa Vệ Sừ	Huyện Mường Tè	Lai Châu	

203	DTN2254120116	Lục Xuân Tùng	25/07/2004	QLĐĐ 54	Nùng	Thôn ĐBK	140,000	QLTN		Sơn Thành	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
204	DTN2254120104	Hoàng Quốc Việt	20/01/2004	QLĐĐ 54	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Quảng Chu	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	
205	DTN2258510209	Lý Xú Che	04/06/2004	QLĐĐ 54	Hà nhi	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Ka Lăng	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
206	DTN2258510359	Lý Văn Đạt	26/5/2004	QLĐĐ 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Đức Xuân	Thạch An	Cao Bằng	
207	DTN23541200018	Chang A Cào	14/03/2005	QLĐĐ 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Kim Nội	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
208	DTN23541200030	Hờ A Giơ	06/09/2004	QLĐĐ 55	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Sùng Đô	Huyện Văn Chấn	Yên Bái	
209	DTN23541200033	Đặng Thị Thảo Ly	08/08/2003	QLĐĐ 55	Dao	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Yên Cư	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	
210	DTN23541200024	Lò A Quang	10/06/2005	QLĐĐ 55	Mảng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Vàng San	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
211	DTN23585100011	Lưu Hà Ly	14/06/2005	QLĐĐ 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Phường Đức Xuân	Thành Phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	
212	DTN23585100015	Đàm Kim Chi	30/09/2005	QLĐĐ 55	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Mỹ Phương	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
213	DTN23585100017	Lò Thị Huyền Trang	05/03/2005	QLĐĐ 55	Thái	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
214	DTN2258510161	Hoàng Thị Lợi	11/10/2002	QLTN&DLST 54	Nùng	Thôn ĐBK	140,000	QLTN		Thiện Thuật	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	
215	DTN2258510163	Nguyễn Thế Trọng	13/02/2004	QLTN&DLST 54	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Bình Long	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
216	DTN2254070325	Thào A Đông	12/06/2004	QLTN&DLST 54	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
217	DTN23585100014	Hoàng Thanh Xuân	03/09/2005	QLTN&DLST 55	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Gia Miễn	Huyện Văn Lãng	Lạng Sơn	
218	DTN23585100001	Nông Phương Thảo	25/03/2005	QLTN&DLST 55	Thái	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Chà Cang	Huyện Nậm Pồ	Điện Biên	
219	DTN2158510344	Lò Văn Luân	15/02/2003	QLTN&MT 53	La Hủ	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Chiềng Lao	Huyện Mường La	Sơn La	
220	DTN2058510008	Vũ Thị Tuyền	27/11/2002	QLTN&MT 53	Sán Dìu	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Quản Cày, Phúc Thuận	Thị xã Phố Yên	Thái Nguyên	
221	DTN2158510411	Tạ Ngọc Minh	11/03/2003	QLTN&MT 53	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Mỹ Phương	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
222	DTN2158510446	Hoàng Minh Toàn	23/07/2003	QLTN&MT 53	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Quý Hòa	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	
223	DTN245315009	Lò Thị Tâm	17/03/2005	CNSH 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	CNSH&CNT		Xã Xá Nhé	Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	
224	DTN245317001	Lê Thuý Bình	12/12/2005	CNT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNSH&CNT		Xã Bạch Đằng	Huyện Hoà An	Cao Bằng	
225	DTN245317024	Quảng Thị Hoài My	01/01/2006	CNT 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	CNSH&CNT		Xã Mường Lạn	Huyện Mường Ảng	Điện Biên	
226	DTN245106005	Luân Mai Linh	25/10/2006	ĐBCL&ATTP 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNSH&CNT		Xã Kim Đồng	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
227	DTN245304039	Nông Hoàng Huy	27/08/2006	CNTY 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Phương Giao	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
228	DTN245304018	Triệu Thị Huyền	30/01/2006	CNTY 56N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bành Trạch	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	

229	DTN245304061	Giàng Thị Kiều	04/12/2006	CNTY 56N01	Mông	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Cổ Linh	Huyện Pắc Nặm	Bắc Kạn	
230	DTN245304048	Lường Thanh Tùng	21/10/2006	CNTY 56N01	Thái	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Mường Bám	Huyện Thuận Châu	Sơn La	
231	DTN245305091	Nông Văn Hòa	02/02/2006	TY 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	
232	DTN245305018	Nông Quốc Hưng	10/10/2006	TY 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Sảng Mộc	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
233	DTN245305016	Nông Văn Du	30/12/2006	TY 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Sảng Mộc	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
234	DTN245305014	Hoàng Thị Kim Nhung	9/12/2006	TY 56N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Phiêng Luông	Huyện Bắc Mê	Hà Giang	
235	DTN245305013	Bạch Thị Hậu	2/3/2006	TY 56N01	Cao lan	Thôn ĐBK	140,000	CNTY	Làng Hào	Đông Thọ	Sơn Dương	Tuyên Quang	
236	DTN245305065	Đàm Thanh Trà	7/2/2006	TY 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Lục Bình	Bạch Thông	Bắc Kạn	
237	DTN245305070	Phà Đo Bia	13/06/2006	TY 56N02	Hà Nhi	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Y Tý	Huyện Bát Xát	Lào Cai	
238	DTN245305074	Nguyễn Thành Lương	16/02/2006	TY 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Trấn Yên	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	
239	DTN245305063	Hà Thanh Tân	11/08/2004	TY 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Đồng Rượu	Huyện Đà Bắc	Hòa Bình	
240	DTN245305057	Hoàng Văn Tân	02/01/2006	TY 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Yên Hoa	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	
241	DTN245305053	Lô Tiến Thoại	03/10/2005	TY 56N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Xuân Dương	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
242	DTN245305041	Triệu Minh Trường	02/10/2006	TY 56N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	CNTY		Xã Đức Vân	Huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	
243	DTN245734001	Lý Văn Thuận	26/10/2006	KDQT 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Tân Chi	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	
244	DTN245411011	Nguyễn Việt Cường	13/09/2006	KTNN 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Thượng Nông	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	
245	DTN245411008	Giàng Thị Dờ	15/04/2006	KTNN 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	Yên Bái	
246	DTN245411017	Chín Thị Hậu	15/12/2005	KTNN 56	Mảng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Vàng San	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
247	DTN245411007	Phùng Thị Huyền	15/03/2006	KTNN 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Nậm Khòa	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	
248	DTN245411015	Vàng Thị Kiên	27/06/2006	KTNN 56	Giáy	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Nậm Xe	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	
249	DTN245411001	Giàng A Phong	11/07/2003	KTNN 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Lao Chải	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	
250	DTN245411012	Mùa A Sáy	28/12/2005	KTNN 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	Yên Bái	
251	DTN245411009	Tần Kim Sơn	02/06/2004	KTNN 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Mù Sang	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	
252	DTN245411010	Lương Văn Thiết	12/01/2006	KTNN 56	Khơ Mú	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Keng Đu	Huyện Kỳ Sơn	Nghệ An	
253	DTN245411013	Hảng A Súa	19/04/2006	KTNN 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Pá Lau	Trạm Tấu	Yên Bái	
254	DTN245411014	Lù Đức Triệu	21/12/2006	KTNN 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Nàng Đôn	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	
255	DTN245301005	Đinh Thị Xuân Hạ	28/11/2006	Tải chính - Kế toán 56	Mường	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Đoàn kết	Huyện Mộc Châu	Sơn La	
256	DTN245301001	Lý Thị Ngọc Nhi	27/06/2006	Tải chính - Kế toán 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã phúc lộc	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	

257	DTN245301002	Vừ Thị Si	11/12/2005	Tài chính - Kế toán 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Mông Ân	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	
258	DTN245301008	Hoàng Phương Thùy	30/07/2006	Tài chính - Kế toán 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Đoài Dương	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	
259	DTN245301003	Hà Việt Nhật	16/07/2006	Tài chính - Kế toán 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Tà Lại	Huyện Mộc Châu	Sơn La	
260	DTN245301007	Nguyễn Văn Trinh	03/05/2006	Tài chính - Kế toán 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	KT&PTNT		Xã Chu Hương	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
261	DTN245326004	Thảo Thị Hạnh	05/08/2005	DL&HCTN 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Thị trấn Pác Miêu	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	
262	DTN245326003	Nguyễn Phương Thảo	26/02/2005	DL&HCTN 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		hị trấn Tĩnh Túc	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	
263	DTN245306013	Khoảng Thành Công	18/01/2005	LS 56	Hà Nhì	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Sín Thầu	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
264	DTN245306021	Ma Trung Dũng	25/07/2006	LS 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Đồng Phúc	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
265	DTN245306004	Tráng Thị Mỹ Hạnh	04/11/2006	LS 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Tia Đình	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	
266	DTN245306014	Mùa A Hùng	12/12/2006	LS 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Sa Dung	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	
267	DTN245306007	Vi Dương Huy	28/05/2006	LS 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Yên Hoa	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	
268	DTN245306009	Nguyễn Hoàng Long	19/08/2006	LS 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Lãng Hiếu	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	
269	DTN245306003	Đình Hiền Lương	07/03/2006	LS 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Đức Xuân	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
270	DTN245306012	Pờ Sơn Thành	19/08/2006	LS 56	Hà Nhì	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Sín Thầu	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
271	DTN245306024	Đặng Tuấn Sơn	09/01/2006	LS 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	LN		Tiến Thành I, Tri Phú	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	
272	DTN245306023	Triệu Phúc Hoàng Lâm	04/11/2006	LS 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	LN		Tri Phú	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	
273	DTN245306026	Thào A Thuỷ	12/7/2004	LS 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Mường Toong	Mường Nhé	Điện Biên	
274	DTN245306011	Lý Lợi Hà	08/12/2005	LS 56	Hà Nhì	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Chung Chải	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
275	DTN245316004	Giảng A Cho	04/03/2005	QLTNR 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Phúc Than	Huyện Than Uyên	Lai Châu	
276	DTN245316013	Lò Thị Hằng	28/08/2006	QLTNR 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Mường Bám	Huyện Thuận Châu	Sơn La	
277	DTN245316007	Hoàng Tiến Luân	20/07/2003	QLTNR 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Sơn Lộ	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	
278	DTN245316002	Sùng Công Mạnh	20/11/2006	QLTNR 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Mường Than	Huyện Than Uyên	Lai Châu	
279	DTN245316015	Hứa Văn Thiện	01/11/2005	QLTNR 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	LN		Xã Thượng Giáo	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
280	DTN245785007	Nguyễn Duy Vinh	18/09/2003	KHMT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	MT		Xã Kim Hỷ	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
281	DTN245762014	Trang A Bình	21/10/2006	NNCNC 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Pa Cheo	Huyện Bát Xát	Lào Cai	
282	DTN245307007	Lò Thị Mai	20/09/2006	KHCTr 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	NH		Xã Mường Đun	Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	

283	DTN245304088	Vàng Mí Súng	30/10/2005	CNTY 56HG	Mông	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Nà Thàng, Minh Ngọc	Bắc Mê	Hà Giang	
284	DTN245304089	Vàng Mí Dũng	19/09/2006	CNTY 56HG	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Sá Phìn A, Xứ Phìn	Đồng Văn	Hà Giang	
285	DTN245304075	Hoàng Thu Hiền	20/07/2006	CNTY 56HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Yên Thành	Quang Bình	Hà Giang	
286	DTN245304071	Lý Đức Hường	04/10/2006	CNTY 56HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Tùng Bá	Vị Xuyên	Hà Giang	
287	DTN245304081	Phan Văn Quý	08/09/2006	CNTY 56HG	Dao	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Tát Ngà	Mèo Vạc	Hà Giang	
288	DTN245304097	Vương Thị Thuỷ	5/11/2006	CNTY 56HG	La chí	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Bản Phùng	Hoàng su Phi	Hà Giang	
289	DTN245304083	Lý Thị Tâm	23/01/2006	CNTY 56HG	Dao	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Thượng Sơn	Vị Xuyên	Hà Giang	
290	DTN245301010	Chánh Thị Ngọc Ánh	25/04/2006	Tải chính -KT 56 HG	Mông	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Tả Ván	quản Bạ	Hà Giang	
291	DTN245301036	Trương Hoà Bình	13/09/2006	Tải chính -KT 56 HG	Hoa	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Đồng Minh	Yên Minh	Hà Giang	
292	DTN245301052	Mã Văn Quý	1/5/2006	Tải chính -KT 56 HG	Giấy	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang	Bản Chiểu	Tát Ngà	Mèo Vạc	Hà Giang	
293	DTN245301043	Nguyễn Xuân Hòa	25/03/2000	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Yên Phú	Bắc Mê	Hà Giang	
294	DTN245301032	Lã Thu Hà	15/12/2004	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Yên Phú	Bắc Mê	Hà Giang	
295	DTN245301066	Lý Minh Đức	20/11/2005	Tải chính -KT 56 HG	Nùng	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Trung Thịnh	Xín Mần	Hà Giang	
296	DTN245301035	Mường Trung Hiếu	03/10/2006	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Tùng Bá	Vị Xuyên	Hà Giang	
297	DTN245301041	Vương Đức Mạnh	29/05/2006	Tải chính -KT 56 HG	La Chí	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Nàn Sín	Sín Mần	Hà Giang	
298	DTN245301029	Hoàng Thu Nghĩa	19/12/2005	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Đạo Đức	Vị Xuyên	Hà Giang	
299	DTN245301012	Phản Thị Niềm	12/07/2006	Tải chính -KT 56 HG	Dao	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Minh Tân	Vị Xuyên	Hà Giang	
300	DTN245301021	Hoàng Thị Phương	01/09/2006	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Nà Chi	Xín Mần	Hà Giang	
301	DTN245301024	Sên Thị Tiêu	25/11/2006	Tải chính -KT 56 HG	Nùng	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Đản Ván	Hoàng su Phi	Hà Giang	
302	DTN245301025	Mai Đoan Trường	18/02/2006	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Mậu Long	Yên Minh	Hà Giang	
303	DTN245301026	Hoàng Thị Thuyết Vân	26/06/2005	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Nam Sơn	Hoàng Su Phi	Hà Giang	
304	DTN245301054	Sùng Thu Giang	12/12/2006	Tải chính -KT 56 HG	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Phiêng Luông	Bắc Mê	hà Giang	
305	DTN245301061	Hoàng Thị Lường	23/08/2001	Tải chính -KT 56 HG	Tày	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Lao Và Chải	Yên Minh	Hà Giang	
306	DTN245304094	Giàng Mí Thò	15/10/2006	CNTY 56HG	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Phổ Bàng	Đồng Văn	Hà Giang	
307	DTN245301065	Vương Đức Tuấn	25/09/2005	Tải chính -KT 56 HG	La Chí	Xã ĐBK	140,000	Phân hiệu Hà Giang		Bản Díu	Xín Mần	Hà Giang	
308	DTN245412019	Nguyễn Kỳ Anh	08/07/2006	QLĐĐ 56N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	QLTN		xã Lục Sơn	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	

309	DTN245412001	Lương Minh Đức	28/09/2006	QLĐĐ 56N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Lương Thiện	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	
310	DTN245412039	Sùng A Mạnh	02/01/2005	QLĐĐ 56N01	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Pà Cò	Huyện Mai Châu	Hòa Bình	
311	DTN245412040	Và Công Minh	06/04/2006	QLĐĐ 56N01	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Nà Nghịu	Huyện Sông Mã	Sơn La	
312	DTN245412021	Nông Đức Phú	02/12/2006	QLĐĐ 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Lương Thượng	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
313	DTN245412033	Lò Văn Thắng	02/02/2006	QLĐĐ 56N02	Thái	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Nậm Sỏ	Huyện Tân Uyên	Lai Châu	
314	DTN245412052	Lý Trung Tuấn	28/10/2006	QLĐĐ 56N01	Dao	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Yên Lâm	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	
315	DTN245412055	Phạm Thủy Triều	12/5/2006	QLĐĐ 56N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Yên Bình	Hữu Lũng	Lạng Sơn	
316	DTN245412046	Hoàng Ngọc Anh	18/02/2006	QLĐĐ 56N02	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc kạn	
317	DTN245412012	Sùng A Đông	23/02/2006	QLĐĐ 56N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã A Lù	Huyện Bát Xát	Lào Cai	
318	DTN245412047	Hoàng Trung Kiên	14/08/2006	QLĐĐ 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Quang Trung	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	
319	DTN245785018	Dương Văn Luyện	19/07/2005	QLĐĐ 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Thái Học	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	
320	DTN245412048	Hoàng Ngọc Minh	07/05/2006	QLĐĐ 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Khuân Lũng	Huyện Xín Mần	Hà Giang	
321	DTN245412002	Giàng Công Minh	28/02/2005	QLĐĐ 56N02	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Tia Đình	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	
322	DTN245316010	Lục Chung Thức	08/11/2006	QLĐĐ 56N02	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Chu Hương	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
323	DTN245785010	Vương Việt Anh	15/10/2006	QLTN&MT 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Lê Lợi	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
324	DTN245785011	Nông Quang Huy	14/10/2006	QLĐĐ 56N01	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Lê Lợi	Huyện Thạch An	Cao Bằng	
325	DTN245785009	Hà Thị Hoài Linh	29/02/2004	QLTN&MT 56	Thái	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Sơn Thủy	Huyện Quan Sơn	Thanh Hóa	
326	DTN245785027	Lý Bảo Minh	11/08/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Đức Long	Huyện Hoà An	Cao Bằng	
327	DTN245785014	Nông Thị Hồng Ngân	13/01/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Bình An	Huyện Lũm Bình	Tuyên Quang	
328	DTN245304057	Lù Thị Ngân	10/08/2002	QLTN&MT 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Chế Là	Huyện Xín Mần	Hà Giang	
329	DTN245785019	Hà Hữu Nghĩa	01/02/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Phúc Lộc	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
330	DTN245785028	Lý Chuỳ Nu	07/03/2006	QLTN&MT 56	La Hủ	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Pa Vệ Sủ	Huyện Mường Tè	Lai Châu	
331	DTN245785022	Bản Văn Quyển	20/03/2006	QLTN&MT 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã yên Lập	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	
332	DTN245785021	Phan Như Quỳnh	18/07/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Văn Lang	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
333	DTN245785020	Hoàng Đức Tính	30/01/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Phương Giao	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
334	DTN2457785025	Hoàng Anh Quân	2/9/2006	QLTN&MT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Bằng Phúc	Chợ Đồn	Bắc Kạn	

335	DTN245785023	Thên Thị Ngân	10/03/2004	QLTN&MT 56	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Xã Tân Tiến	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang
336	DTN245412006	Vàng Thị Thúy	1/5/2004	QLĐĐ 56N01	Nùng	Xã ĐBK	140,000	QLTN		Nậm Cháy	Huyện Mường Khương	Lào Cai
337	DTN245748005	Triệu Đức Hoàng	21/10/2006	CN&ĐMST 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Vi Hương	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn
338	DTN245748016	Trần Hoàng Minh	16/02/2005	CN&ĐMST 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Yên Phong	Chợ Đồn	Bắc Kạn
339	DTN245748014	Dương Thanh Tùng	21/09/2006	CN&ĐMST 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Công Bằng	Pác Nặm	Bắc Kạn
340	DTN245748006	Đào Văn Quân	31/10/2006	CN&ĐMST 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		TT Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn
341	DTN245748007	Dương Hải Quang	13/09/2005	CN&ĐMST 56	Mông	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		TT Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn
342	DTN245748004	Dương Văn Trường	02/01/2006	CN&ĐMST 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Xã phúc lộc	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn
343	DTN245732005	Bàn Thế Anh	01/03/2006	QLTT 56	Dao	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Xã Đồng Tiến	Huyện Bắc Quang	Hà Giang
344	DTN245732004	Hoàng Tiến Đạt	23/04/2006	QLTT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Xã Nhất Hòa	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn
345	DTN245732006	Chi Văn Trang	21/04/2006	QLTT 56	Lô Lô	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Kim Cúc	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng
346	DTN245732007	Nguyễn Anh Tú	26/07/2006	QLTT 56	Tày	Xã ĐBK	140,000	TTĐTH		Xã Thượng Nông	Huyện Na Hang	Tuyên Quang
347	DTN245222221	Giàng Thị Pàng	03/08/2006	QLDLQT 56	H'Mông	Xã ĐBK	140,000	VP CTTT		Xã Xà Hồ	Huyện Trại Tầu	Yên Bái
II Hộ nghèo												
348	DTN2254120351	Lầu A Dũng	28/01/2001	QLĐĐ 54	Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Pú Nhung	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên
349	DTN2158510362	Nông Việt Hùng	31/07/2003	QLTN&MT 53	Thái	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Mường So	Huyện Phong Thổ	Lai Châu
350	DTN23541200021	Phàng A Lữ	24/04/2005	QLĐĐ 55	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Xã Bản Công	Huyện Trại Tầu	Yên Bái
351	DTN245412007	Moong Văn Huân	08/09/2006	QLĐĐ 56N01	Kho Mú	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Xã Keng Đu	Huyện Kỳ Sơn	Nghệ An
352	DTN245412054	Sùng A Chư	08/07/2006	QLĐĐ 56N02	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Xã Mỏ Dề	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái
353	DTN2258510353	Vi Trí Dũng	04/01/2000	QLTN&DLST 54	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	QLTN		Khuôn Hà	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang
354	DTN23530700012	Lý Khua Sừ	13/11/2005	KHCTr 55	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Xã Ngòi Cây	Huyện Mường Ảng	Điện Biên
355	DTN23530700013	Ma Văn Bộ	23/06/1997	KHCTr 55	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Xã Tri Phú	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang
356	DTN2151010484	Sùng A Dia	17/04/2003	NNCNC 53	Hmông	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		San Sủi - Hủa Ngải	Huyện Mường Chà	Điện biên
357	DTN2151010320	Cháng Mí Chứ	05/10/2002	NNCNC 53	Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH	Lùng Vái	xã Cán Tỷ	Huyện Quán Bạ	Hà Giang
358	DTN2251010038	Phuong Văn Quang	4/4/2004	NNCNC 54	Nùng	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Mông Ân	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng
359	DTN2151010210	Châu Khánh Ly	02/12/2003	NNCNC 53	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH	Nà Liềm	Xã Thượng Lâm	Huyện Na Hang	Tuyên Quang
360	DTN2251010357	Triệu Là Cáo	06/08/2004	NNCNC 54	Dao	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Nậm Khòa	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang

361	DTN2251010199	Thên Thị Hồng Hiệp	08/07/2004	NNCNC 54	Nùng	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Bản Nhùng	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	
362	DTN23531500002	Lương Triệu Ngọc Trâm	18/02/2005	NNCNC 55	Dao	Hộ nghèo 2025.	100,000	NH		Xã Phượng Tiến	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	
363	DTN2254110277	Giàng A Khay	23/12/2004	KTNN 54	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	KT&PTNT		Pá Hủ	Huyện Trạm Tấu	Yên Bái	
364	DTN2153060275	Lý Xê Po	13/03/2002	LS 53	Hà nhì	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN	Nậm Pắc	Xã Chung Chải	Huyện Điện Biên	Điện biên	
365	DTN23530600007	Lý Thị Đồng	07/08/2004	LS 55	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Nam Mẫu	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	
366	DTN2253160180	Hoàng Minh Nguyên	22/03/2004	QLTNR 54	Dao	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		An Thắng	Huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	
367	DTN2353260007	Triệu Thúy Vy	27/12/2005	DL&HCTN 55	Nùng	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Xã Cư Lễ	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
368	DTN2152050050	Chu Minh Hiếu	28/08/2003	QLTT 53	Nùng	Hộ nghèo 2025.	100,000	TTĐTH	Nà Vài	Hiệp Lực	H Ngăn Sơn	Bắc Kạn	
369	DTN2353260022	Hà Anh Tuấn	06/02/2005	DL&HCTN 55 (HG)	Cao Lan	Hộ nghèo 2025.	100,000	Phân hiệu Hà Giang		Ngọc Long	Yên Minh	Hà Giang	
370	DTN2253050090	Nguyễn Thu Hằng	16/06/2004	CNTY 54 N01	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Nhân Mục	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	
371	DTN2153050283	Đinh Thị Quyên	31/01/2003	TY 53 N01	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Văn Lang	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	
372	DTN2253050114	Hoàng Thị Xuân Quỳnh	07/11/2004	TY 54 N02	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Bình Phú	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	
373	DTN245304006	Sùng A Chinh	02/06/2006	CNTY 56N01	Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Xã Huổi Lèng	Huyện Mường Chá	Điện Biên	
374	DTN245304025	Lý Đức Anh	29/11/2006	CNTY 56N02	Tày	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Xã Ngọc Hội	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	
375	DTN245304052	Triệu Việt Dũng	26/07/2006	CNTY 56N02	Nùng	Hộ nghèo 2025.	100,000	CNTY		Xã Bình Long	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	
376	DTN245306019	Lò Thị Hương	07/05/2006	LS 56	Mảng	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Xã Nậm pí	Huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	
377	DTN245306018	Vàng Mí Súng	06/02/2006	LS 56	Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Tả Lũng	Đồng Văn	Hà Giang	
378	DTN245316011	Vàng Chiến Chung	19/10/2005	QLTNR 56	H'Mông	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Vĩnh Phúc	Bắc Quang	Hà Giang	
379	DTN245316006	Trương Mạnh Quyền	05/11/2005	QLTNR 56	Hà Nhì	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Xã Leng Su Sín	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
380	DTN245316018	Lý Mạnh Sơn	15/06/2005	QLTNR 56	Hà Nhì	Hộ nghèo 2025.	100,000	LN		Xã Chung Chải	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	
381	DTN245301048	Lương Công Chiến	09/01/2006	Tài chính - KT 56 HG	Kinh	Hộ nghèo 2025.	100,000	Phân hiệu Hà Giang		Xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	

Ấn định danh sách: 381 sinh viên

Người lập danh sách



Nguyễn Đức Nghĩa